

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 60/2022/DS-PT  
Ngày 29 - 3 - 2022  
V/v tranh chấp tiền bảo hiểm về  
hưởng chế độ tử tuất

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Nguyễn Chế Linh

*Các Thẩm phán:*

Bà Võ Bích Hải

Bà Nguyễn Thị Tuyết Loan

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Vũ Dương - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ.

**- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tham gia phiên tòa:** Bà Huỳnh Hồng Phil - Kiểm sát viên.

Trong các ngày 28 và 29 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Cần Thơ xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số 283/2021/TLPT-DS ngày 28 tháng 12 năm 2021 về tranh chấp tiền bảo hiểm về hưởng chế độ tử tuất.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DSST ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 14/2022/QĐ-PT ngày 17 tháng 01 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Mỹ L; cư trú tại: phường 2, thành phố T, tỉnh Sóc Trăng.

- *Bị đơn:*

1. Bà Trần Thị Kim L1; cư trú tại: Xã X, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

2. Bà Nguyễn Trần Ngọc Lam T; cư trú tại: Xã X, huyện Đ, thành phố Cần Thơ.

- *Người đại diện hợp pháp của bị đơn:* Ông Huỳnh Hồng T1; cư trú tại: Thành phố T, tỉnh Sóc Trăng là người đại diện theo ủy quyền (Văn bản ủy quyền ngày 23/10/2021).

- *Người kháng cáo:*

1. Bà Nguyễn Thị Mỹ L là nguyên đơn;

2. Bà Trần Thị Kim L1, bà Nguyễn Trần Ngọc Lam T là bị đơn.

### **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

- Theo bản án sơ thẩm, nguyên đơn trình bày:

Bà L1 với ông Nguyễn Văn Vinh có làm đám cưới vào năm 1993 nhưng không có đăng ký kết hôn, sau đó hai người không hợp nhau nên đường ai nấy đi. Ông V ra Bà Rịa - Vũng Tàu sống còn bà L1 sống tại xã Giai Xuân, huyện Phong Điền từ đó cho đến nay. Đến năm 2019, ông V bệnh nặng [u vòm họng], bà L có điện thoại cho mẹ con bà L1 ra chăm sóc cho ông V nhưng bà L1 nói mọi việc liên quan đến ông V, bà không can thiệp, ông V tự quyết định theo ý ông V đi. Do bà L1 không đồng ý nên bà L có đến gặp chính quyền địa phương nơi ông V đăng ký thường trú tại xã Tân Hưng, thành phố Bà Rịa, tỉnh Bà Rịa - Vũng Tàu trình báo, sau đó bà L đưa ông V về xã X, huyện Đ nhưng bà L1 không cho ông V vô nhà nên bà L mới đưa ông V vào nhà cha mẹ của bà L, khoảng 01 tuần thì ông V chết và làm đám tang tại đây.

Chi phí lúc ông V nằm viện bà L ứng trước để lo chữa trị gồm các khoản sau:

Lần nằm viện thứ 1: ngày 04/7/2019 tại bệnh viện ung bướu thành phố Hồ Chí Minh số tiền là 3.550.000 đồng (bao gồm hóa đơn ngày 04/7/2019 số 0172179: 1.710.000 đồng, hóa đơn cùng ngày số 0172480 số tiền 650.000 đồng, hóa đơn cùng ngày số 0172084 số tiền 200.000 đồng, hóa đơn số 0169180 ngày 06/7/2019 số tiền 295.000 đồng, vé khám bệnh hai vé mỗi 100.000 đồng = 200.000 đồng. Còn lại bảo hiểm chi. Ngày ra viện bà L không nhớ.

Dịch vụ nằm viện tại Bà Rịa ngày 12/6/2019: số tiền chi ra 17.553.496 đồng. cụ thể:

Các hóa đơn số 28333 ngày 6/8/2019 số tiền 2.089.496 đồng và 53041 ngày 6/8/2019 số tiền 15.464.000 đồng (bao gồm tiền dinh dưỡng có trong hóa đơn).

Tiền thuê người chăm sóc cho ông V (giá dịch vụ trong bệnh viện còn bà L tự thuê người ngoài) có các tên sau: Nguyễn Kim C 4.500.000 đồng, Nguyễn Phú H số tiền 4.500.000 đồng, Nguyễn Thị P: 4.500.000 đồng và Lâm Ngọc P1: 4.500.000 đồng (những người trên làm nửa tháng); Nguyễn Văn M: 9.000.000 đồng, Nguyễn Kim Q: 9.000.000 đồng, Nguyễn Văn T2: 9.000.000 đồng (mỗi người một tháng). Tổng số tiền 45.000.000 đồng.

Tiền thuốc số tiền 42.900.000 đồng cụ thể: hóa đơn ngày 06/6/2019 là 14.300.000 đồng; hóa đơn ngày 04/7/2019: 14.300.000 đồng; hóa đơn ngày 06/8/2019: 14.300.000 đồng.

Vật dụng vệ sinh cho người bệnh: 14.464.000 đồng (hóa đơn ngày 12/6/2019: 958.000 đồng; hóa đơn ngày 12/6/2019: 2.758.000 đồng; hóa đơn ngày 30/6/2019: 2.758.000 đồng; hóa đơn ngày 04/7/2019: 2.658.000 đồng; hóa đơn ngày 15/7/2019: 2.716.000 đồng; hóa đơn ngày 6/8/2019: 2.616.000 đồng.

Tiền dịch vụ mai táng chọn gói 60.000.000 đồng (hòm, bàn thờ, xe, nhạc, tâm liệm, quần áo tang...)

Tiền phục vụ ăn uống cho đám tang 40.000.000 đồng (có biên nhận bản gốc).

Tiền xây mộ, làm đường ra mộ, khuôn viên mộ tổng cộng 80.000.000 đồng. Còn tiền làm cho anh V cụ bao nhiêu thể tôi hỏi lại người làm (tôi khoáng chung).

Tổng cộng các khoản: 302.964.496 đồng. Nay bà L chỉ yêu cầu nhận số tiền 225.000.000 đồng và tiền bảo hiểm xã hội.

Nếu thương lượng được thì bà L đồng ý nhận 225.000.000 đồng tiền bảo hiểm xã hội và tuất của ông V, còn hòa giải không thành bà yêu cầu đủ số tiền khi xét xử.

*- Theo bản án sơ thẩm, bị đơn là bà Trần Thị Kim L1 trình bày:*

Bà L1 đã nhận tiền bảo hiểm xã hội và trợ cấp tuất của ông Nguyễn Văn V (là chồng của bà L1). Tổng cộng số tiền là 225.000.000 đồng.

Bà L1 với ông V có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã X, thành phố Cần Thơ, tỉnh Cần Thơ (cũ).

Bà L1 với ông V có 01 con chung tên Nguyễn Trần Ngọc Lam T, sinh năm: 1993. Bà L1 biết ông V bị bệnh nên có ra Bà Rịa - Vũng Tàu thăm và rước ông V về để mẹ con tiện chăm sóc nhưng gia đình bên chồng không cho. Sau đó bà L1 có ra thăm nhưng nhà cửa khóa nên không vào được nên bà về (tổng cộng 02 lần, lần 1 là ngày 03/7/2019, lần sau không nhớ). Đến khi bà L chờ ông V về không có ghé nhà của bà L1 như bà L trình bày nhưng qua ngày hôm sau khoảng 17 giờ, bà L có ghé nhà yêu cầu bà L1 cho bà L mượn giấy đăng ký kết hôn của bà L1 với ông V và yêu cầu bà L1 ủy quyền toàn bộ tài sản của ông V ngoài Bà Rịa - Vũng Tàu (bao gồm đất đai nhà cửa mà vợ chồng bà L1 tạo lập sau khi kết hôn) nên bà L1 không đồng ý. Bà L nói nếu bà L1 không đồng ý thì bà L sẽ qua huyện Đ trích lục giấy kết hôn và làm đơn phương ly hôn nhưng bà không đồng ý. Đến sáng 19/8/2019 ông V mất nhưng bà L1 không biết, sau đó bà có qua thì ông V đã liệm xong.

Bà L1 đồng ý trả lại các khoản mà bà L đã chi ra trước đó để lo cho ông V điều trị bệnh và đám tang theo hóa đơn chứng từ là bản gốc, trên đó phải thể hiện những thông tin như: nơi (người) cung cấp dịch vụ, người chi trả, thời gian xảy ra giao dịch, các toa thuốc ngoài bảo hiểm, phải xác nhận của bác sĩ... và người chi trả phải là bà L.

*- Theo bản án sơ thẩm, bị đơn là bà Nguyễn Trần Ngọc Lam T trình bày:*

Bà Nguyễn Trần Ngọc Lam T là con của ông Nguyễn Văn V và bà Trần Thị Kim L1, số tiền trợ cấp mai táng và tiền trợ cấp tuất 01 lần của ông V thì bà T và bà L1 đã nhận tổng cộng 225.000.000 đồng.

Bà T thống nhất lời trình bày của bà L1 là trả lại số tiền cho bà L đã chi ra trước đó để điều trị và lo đám tang cho ông V với các hóa đơn chứng từ hợp lý, không có ý kiến gì thêm.

Tại bản án dân sự sơ thẩm số 37/2021/DSST ngày 01 tháng 11 năm 2021, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã tuyên xử:

Chấp nhận một phần khởi kiện của nguyên đơn.

Buộc bị đơn, bà Trần Thị Kim L1 và chị Nguyễn Trần Ngọc Lam T có trách nhiệm trả lại cho nguyên đơn, Nguyễn Thị Mỹ L số tiền 142.949.200 đồng (Một trăm bốn mươi hai triệu, chín trăm bốn mươi chín ngàn, hai trăm đồng).

Án phí: Bị đơn bà L1 và chị Tuyền cùng chịu 7.147.460 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm; nguyên đơn, bà L phải chịu 4.142.750 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nguyên đơn đã nộp tạm ứng 7.574.000 đồng theo biên lai thu số 018017 ngày 29/4/2021 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền, thành phố Cần Thơ, khấu trừ số tiền này thành tiền án phí, nguyên đơn được nhận lại 3.432.000 đồng tại Chi Cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Bản án sơ thẩm còn tuyên quyền kháng cáo của các bên theo luật định.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 02/11/2021, nguyên đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm tuyên hủy những giấy tờ hộ tịch gồm giấy chứng nhận kết hôn của bà Trần Thị Kim L1 và ông Nguyễn Văn V, hủy giấy khai sinh của bà Nguyễn Trần Ngọc Lam T. Đồng thời, buộc bị đơn phải trả lại cho nguyên đơn số tiền bảo hiểm xã hội là 225.804.200 đồng và tiền lãi là 52.793.022 đồng. Tổng gốc và lãi là 278.597.222 đồng.

Tại đơn kháng cáo đề ngày 10/11/2021, bị đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng bác toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn cho rằng bản án sơ thẩm đã không xem xét các yêu cầu khởi kiện mà xem xét nội dung nguyên đơn không yêu cầu. Cụ thể, nguyên đơn không yêu cầu hoàn trả chi phí điều trị, mai táng mà yêu cầu bị đơn hoàn trả khoản tiền bảo hiểm xã hội mà bị đơn đã nhận, đồng thời yêu cầu hủy Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn giữa ông V và bà L1 (sau đây gọi tắt là Giấy chứng nhận kết hôn), hủy Giấy khai sinh của bà T (sau đây gọi tắt là giấy khai sinh). Bị đơn cho rằng yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là không có căn cứ nên đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ tại phiên tòa: Hoạt động tố tụng của người tiến hành tố tụng, người tham gia tố tụng đã tuân thủ các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án, qua phân tích các tình tiết, sự kiện pháp lý và các quy định pháp luật có liên quan, đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ cho rằng cả ba yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chưa được cấp sơ thẩm xem xét, đánh giá nên đề nghị Hội đồng xét xử hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử lại.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

[1] Theo đơn khởi kiện và các chứng cứ đã thẩm tra cho thấy các bên tranh chấp về tiền bảo hiểm về chế độ hưởng tử tuất. Tòa án nhân dân huyện Phong Điền đã thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo các quy định tại khoản điểm a khoản 1 Điều 35 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Trong đơn khởi kiện, người khởi kiện thể hiện có 3 yêu cầu: (1) Yêu cầu Tòa án hủy bỏ giấy chứng nhận kết hôn, (2) Yêu cầu hủy bỏ giấy khai sinh, (3) Yêu cầu bị đơn giao trả số tiền bảo hiểm 225.804.200 đồng mà bị đơn đã nhận và tiền lãi tương ứng vì bị đơn đã chiếm giữ số tiền này. Cả ba yêu cầu này chưa được Tòa án cấp sơ thẩm nhận định, đánh giá. Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn xác định rõ nguyên đơn không yêu cầu đòi chi phí chữa trị và chi phí mai táng như bản án sơ thẩm đã nhận định. Đối chiếu lời khai của nguyên đơn với đơn khởi kiện là phù hợp, hồ sơ cũng không thể hiện việc thay đổi, bổ sung đơn khởi kiện của nguyên đơn. Bản án sơ thẩm không đánh giá ba yêu cầu trên của nguyên đơn nên đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Cần Thơ đề nghị áp dụng khoản 3 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự để hủy toàn bộ bản án sơ thẩm là đúng pháp luật, vì vi phạm nguyên tắc bảo đảm chế độ xét xử sơ thẩm, phúc thẩm theo Điều 17 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Nguyên đơn cho rằng, giấy chứng nhận kết hôn không có chữ ký của ông V, điều này có thể hiểu là không có sự đồng ý (không tự nguyện) của ông V nên yêu cầu Tòa án hủy việc chứng nhận kết hôn này. Đối chiếu với quy định tại khoản 1 và khoản 2 Điều 10 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà L với tư cách là chị của ông V không có quyền khởi kiện. Mà theo quy định tại khoản 3 Điều 10 của Luật hôn nhân và gia đình thì bà L chỉ có quyền đề nghị cơ quan, tổ chức có thẩm quyền yêu cầu Tòa án giải quyết. Do vậy, khi thụ lý lại vụ án, Tòa án nhân dân huyện Phong Điền cần tham khảo các quy định trên để giải quyết.

[4] Đối với yêu cầu hủy giấy khai sinh, lý do nguyên đơn đưa ra là do giấy khai sinh không ghi tên người đi khai. Đối chiếu quy định tại khoản 1 Điều 14 của Luật hộ tịch thì thông tin người đi khai không phải là thông tin cơ bản của Giấy khai sinh nên không ảnh hưởng đến giá trị pháp lý của tài liệu này. Mặt khác, tài liệu này ghi nhận quan hệ giữa ông V và bà T, không ảnh hưởng đến quan hệ nhân thân của bà L. Do vậy, cần xem xét quyền khởi kiện của bà L.

[5] Đối với khoản tiền bảo hiểm 225.804.200 đồng, khi giải quyết lại thì cần xem xét người được thụ hưởng theo Luật bảo hiểm xã hội. Trường hợp cần thiết, Tòa án triệu tập cơ quan bảo hiểm để đảm bảo việc giải quyết đúng vụ án. Riêng chi phí điều trị, chi phí mai táng mà bà L đã chi trả, bà có quyền khởi kiện theo thủ tục tố tụng dân sự.

[6] Các vấn đề nêu tại mục [2] cho thấy cần thiết hủy bản án sơ thẩm để giao lại cho Tòa án nhân dân huyện Phong Điền xét xử lại vụ án. Các nội dung tại các mục [3], [4] và [5] là các vấn đề mà khi giải quyết lại, Tòa án cấp sơ thẩm cần quan tâm nhằm giải quyết đúng đắn tranh chấp.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 308 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Hủy bản án sơ thẩm số 37/2021/DSST ngày 01 tháng 11 năm 2021 của Tòa án nhân dân huyện Phong Điền và chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân huyện Phong Điền giải quyết lại vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Án phí dân sự sơ thẩm sẽ được xác định lại khi giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

Nguyên đơn được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007038 ngày 03/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Bị đơn được nhận lại 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm theo Biên lai thu tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007044 ngày 16/11/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Phong Điền.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực kể từ ngày tuyên án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

**Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND.TPCT;
- TAND huyện Phong Điền;
- THADS huyện Phong Điền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(Đã ký)

**Nguyễn Chế Linh**